

Bản án số: **41/2022/DS-ST**
Ngày: 15/4/2022
V/v T/C Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Út.
2. Ông Hứa Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 15/4/2022, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 19/2022/TLST-DS ngày 11/01/2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-DS ngày 29/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đoàn Thị L**, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Số X, ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn L1**, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Bà **Mai Thị D**(Mai Hồng D, Mai Thị Hồng D), sinh năm 1977 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Người làm chứng: Bà **Cao Thị Ngọc Đ**, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Số Y, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2021 trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đoàn Thị L trình bày:

Vào ngày 29/6/2017 âm lịch, vợ chồng ông Nguyễn Văn L1 và bà Mai Thị D có vay vàng và tiền của bà L nhiều lần cụ thể như sau:

*** Phần vàng:**

Ngày 29/6/2017 âm lịch, ông L1 và bà D có vay 05 chỉ vàng 24K; Ngày 21/7/2017 âm lịch, vay 20 chỉ vàng 24K, đã trả 10 chỉ vàng 24k, còn lại 10 chỉ vàng 24K; Ngày 26/8/2018 âm lịch vay 05 chỉ vàng 24K; Ngày 13/9/2018 âm lịch vay 05 chỉ vàng 24K.

*** Phần tiền:** Ngày 14/3/2018 (nhằm ngày 27/01/2018 âm lịch), ông L1 và bà D có vay số tiền là 20.000.000 đồng; Ngày 28/6/2018 (nhằm ngày 15/5/2018 âm lịch), vay số tiền là 20.000.000 đồng; Ngày 08/11/2019 (nhằm ngày 12/10/2019 âm lịch), vay số tiền là 20.000.000 đồng.

Các lần vay trên, ông L1 và bà D mục đích để tiêu dùng trong gia đình, có hứa với bà là trả lãi hàng tháng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận, khi nào bà L cần thì trả vốn, có viết biên nhận nợ. Từ khi vay đến nay, ông L, bà D trả lãi đến tháng 9/2021 và trả vốn được 10 chỉ vàng 24K. Tổng cộng, ông L1 và bà D còn nợ bà L số vàng vốn là 25 chỉ vàng 24K và số tiền vốn vay là 60.000.000 đồng.

Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn L1 và bà Mai Thị D cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số vàng vốn vay là 25 chỉ vàng 24k (tính giá vàng tại Thị trấn Kế Sách ngày là 5.470.000 đồng/chỉ vàng 24K x 25 chỉ = 136.750.000 đồng) và số tiền là 60.000.000 đồng tiền vốn, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Mai Thị D trình bày: Bà D có vay của bà L số vàng 25 chỉ 24K, số vàng này bà D không nhớ mượn vào thời gian nào nhưng bà mượn trong 3 lần, 2 lần đầu mỗi lần 10 chỉ, lần sau mượn 05 chỉ, tổng cộng 25 chỉ vàng 24k. Riêng số tiền 60.000.000 đồng, bà D thừa nhận có vay của bà L số tiền này, vay trong 3 lần, cách nhau khoảng thời gian như bà L trình bày là đúng nhưng ngày tháng năm vay cụ thể thì bà D không nhớ.

Sau khi vay, bà D có trả lãi hàng tháng cho bà L, đối với vàng thì lãi là mỗi tháng là 2.000.000 đồng trên 10 chỉ vàng vốn còn tiền vay thì trả lãi theo ngày, mỗi ngày bà phải trả lãi 10.000 đồng trên 1.000.000 đồng vốn. Bà D đã trả vốn lãi cho bà L. Đến năm 2020, không nhớ ngày tháng nào, hai bên chốt lại thì bà D chỉ còn nợ bà L 05 chỉ vàng 24K, số vàng này do dịch bệnh bà không có khả năng trả vốn lãi cho bà L từ khoảng tháng 7/2021 đến nay.

Khi bà D trả vốn lãi cho bà L thì hai bên không có làm biên nhận gì, bà L đến nhà bà nhận nên chỉ có người nhà bà biết, ngoài ra không còn ai chứng kiến sự việc này. Chồng bà là ông Nguyễn Văn L1 không biết bà mượn nợ của bà L nhưng đến khi bà D bị bẻ nợ thì ông L1 có biết và có cho tiền bà trả nợ cho bà L. Bà vay mượn của bà L cũng chỉ để cho vay lại kiếm lời phục vụ trong sinh hoạt gia đình. Nay bà D chỉ đồng ý trả cho bà L số vàng còn nợ là 05 chỉ vàng 24K.

Tại phiên tòa, bà D không yêu cầu giải quyết lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L1 trình bày: Khi bà D mượn tiền, vàng của bà L thì ông không biết, sau này ông mới biết. Nay bà D nói còn nợ bà L 05 chỉ vàng 24k và đồng ý trả cho bà L số vàng này thì ông không có ý kiến. Ông không có thu nhập nhiều nên không có khả năng cùng bà D trả nợ cho bà L. Ông biết bà D vay tiền, vàng của bà L cũng chỉ để cho người khác vay lại kiếm lời trang trải sinh hoạt gia đình nhưng do bà D bị người khác giật nợ nên không có khả năng trả nợ cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn L1 vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, các đương sự không yêu cầu hoãn phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn L.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đoàn Thị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đó, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi trên số vàng và tiền vốn đã cho bị đơn vay. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu này là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu như trên của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị L và bị đơn bà Mai Thị Dthống nhất bà D có vay tiền và vàng của bà L nhiều lần. Tổng số nợ các bên chốt là 25 chỉ vàng 24k và 60.000.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bà L và bà D không thống nhất ô nợ đến thời điểm hiện tại. Bà L cho rằng vợ chồng bà D chưa trả vốn nên hiện tại còn nợ là 25 chỉ vàng 24k và 60.000.000 đồng. Riêng bà D cho rằng đã trả cho bà L 20 chỉ vàng 24k và 60.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 05 chỉ vàng 24k vốn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thống nhất không yêu cầu giải quyết lãi vay nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử thấy rằng, Hợp đồng vay tài sản giữa bà L và bà D được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng, các đương sự là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa bà L và bà D là hợp pháp. Tuy bị đơn ông Nguyễn Văn L1 không trực tiếp cùng bà D giao kết hợp đồng với bà L nhưng ông L1 và bà D là vợ chồng, mục đích vay của bà D là cho người khác vay lại để kiếm lời, trang trải sinh hoạt gia đình, được ông L1 thừa nhận tại Biên bản hòa giải ngày 21/01/2022 nên trách nhiệm của bà D và ông L1 là liên đới theo quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự 2015. Nay bà D cho rằng đã trả cho bà L 20 chỉ vàng 24k và 60.000.000 đồng nhưng không có người chứng kiến, không có giấy tờ để chứng minh. Bà D có yêu cầu xác minh người làm chứng bà Cao Thị Ngọc Đ nhưng bà Đoàn cũng không rõ số nợ vay của

bà D và không chứng kiến việc trả nợ của bà D. Do đó, bà D chưa chứng minh được việc bà đã trả số nợ như bà trình bày. Tại phiên tòa, bà L cũng đã chứng minh được một số biên nhận nợ khác của bà D đã trả xong và bà L có gạch bỏ trong sổ (được bà D xác nhận đúng), ngay cả biên nhận của bà Đoàn đã trả xong cũng được gạch bỏ trong sổ (được bà Đoàn xác nhận đúng). Do đó, không có lý do gì các biên nhận hiện tại bà D còn nợ nhưng bà D lại không yêu cầu bà L gạch bỏ trong sổ khi đã trả xong. Nay bà D và ông L1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 117, 288, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015, buộc bà L và ông L1 có nghĩa vụ trả cho bà L số vàng đã vay là 25 chỉ vàng 24k, được quy ra thành tiền là 5.470.000đồng/chỉ vàng 24k (giá vàng tại thị trấn Kế Sách ngày 15/4/2022 được các bên đồng ý) x 25 chỉ = 136.750.000 đồng và số tiền vốn vay là 60.000.000 đồng. Tổng cộng là 196.750.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên các bị đơn bà Mai Thị D và ông Nguyễn Văn L1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 196.750.000 đồng x 5% = 9.837.500 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 117, 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc các bị đơn bà Mai Thị D và ông Nguyễn Văn L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Đoàn Thị L số vàng và tiền vốn đã vay là 25 chỉ vàng 24k được quy ra thành tiền là 136.750.000 đồng và 60.000.000 đồng. Tổng cộng là 196.750.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Đoàn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Mai Thị D và ông Nguyễn Văn L1 còn phải có trách nhiệm liên đới trả lãi cho bà Đoàn Thị L theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Các bị đơn bà Mai Thị D và ông Nguyễn Văn L1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.837.500 đồng.

Bà Đoàn Thị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.670.000 đồng từ Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001575 ngày 11/01/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa